THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1640/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở cai nghiện ma túy đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 8248
ĐẾN Ngày: 26/8/16
Chuyển: P.VX Người

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở cai nghiện ma túy được thành lập theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy và Luật Xử lý vi phạm hành chính đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là cơ sở cai nghiện) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm

a) Giảm số lượng, quy mô cơ sở cai nghiện bắt buộc, tăng số lượng, quy mô cơ sở cai nghiện tự nguyện, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; đảm bảo người nghiện ma túy khi có quyết định của Tòa án áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc đều có cơ sở cai nghiện để thi hành quyết định; các cơ sở cai nghiện tự nguyện phải gắn kết với cộng đồng.

b) Đa dạng các loại hình cơ sở cai nghiện để người nghiện ma túy tiếp cận các dịch vụ cai nghiện ma túy theo nhu cầu.

c) Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tổ chức đào tạo cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo điều kiện, tiêu chuẩn về cai nghiện ma túy.

d) Khuyến khích phát triển mạng lưới cơ sở cai nghiện tự nguyện theo hướng xã hội hóa nhằm huy động các tập thể, cá nhân đóng góp cho công tác cai nghiện ma túy; nghiên cứu, thí điểm đặt hàng áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc theo quy định của pháp luật đối với các cơ sở cai nghiện dân lập, cơ sở cai nghiện tự nguyện đủ điều kiện, tiêu chuẩn về cai nghiện ma túy bắt buộc.

2. Mục tiêu

a) Đến năm 2020

- Giảm số lượng cơ sở cai nghiện có chức năng cai nghiện bắt buộc trong quy hoạch xuống còn 71 cơ sở; giảm quy mô, khả năng cung cấp dịch vụ cai nghiện bắt buộc còn 20.000 người;

- 52 cơ sở cai nghiện không nằm trong diện quy hoạch có chức năng cai nghiện bắt buộc thực hiện chuyển đổi thành cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (trong đó có cả điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế) hoặc cơ sở khác;

- Phấu đấu thành lập tối thiểu 30 cơ sở cai nghiện tự nguyện dân lập;

- Tăng số lượng, quy mô, khả năng tiếp nhận, cung cấp dịch vụ của các cơ sở cai nghiện đáp ứng nhu cầu cai nghiện của 80% số người nghiện có hồ sơ quản lý (tương đương khoảng 200.000 người);

- 90% cơ sở cai nghiện đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện về cai nghiện theo quy định của pháp luật;

- Nâng cấp 140 cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế thành cơ sở cai nghiện tự nguyện;

- 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ sở cai nghiện được đào tạo, cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận theo tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật.

b) Định hướng đến năm 2030

- Tiếp tục phấn đấu giảm 50% về quy mô cơ sở cai nghiện có chức năng cai nghiện bắt buộc so với năm 2020;

- 100% cơ sở cai nghiện đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện về cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật;

- 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ sở cai nghiện được đào tạo nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật;

- Đặt hàng tổ chức cai nghiện bắt buộc đối với các cơ sở cai nghiện dân lập, cơ sở cai nghiện tự nguyện đủ điều kiện, tiêu chuẩn về cai nghiện bắt buộc.

3. Nội dung

a) Cơ sở cai nghiện có chức năng cai nghiện bắt buộc

- Công suất tiếp nhận

+ Giảm tổng công suất tiếp nhận cai nghiện ma túy của mạng lưới cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 67.000 người năm 2015 xuống còn 20.000 người năm 2020; định hướng đến năm 2030 công suất tiếp nhận còn 10.000 người;

+ Sau khi quy hoạch, công suất tiếp nhận của cơ sở cai nghiện có chức năng cai nghiện bắt buộc từ 100 người đến 1.000 người; đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trên 5.000 người nghiện có hồ sơ quản lý công suất tiếp nhận mỗi cơ sở tối đa không quá 2.000 người.

- Cơ chế tiếp nhận

+ Đến năm 2020, đối tượng cai nghiện ma túy của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được tiếp nhận theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cơ sở cai nghiện;

+ Định hướng đến năm 2030: người nghiện ma túy bị Tòa án quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện được đưa đến cơ sở cai nghiện gần nhất để thi hành quyết định, không phân biệt nơi cư trú.

- Mạng lưới cơ sở cai nghiện có chức năng cai nghiện bắt buộc

+ Đến năm 2020

. Thành phố Hà Nội duy trì tối đa không quá 03 cơ sở cai nghiện, thành phố Hồ Chí Minh duy trì tối đa không quá 05 cơ sở cai nghiện; các cơ sở cai nghiện ma túy ở gần nhau (khoảng cách dưới 5 km) sáp nhập thành một cơ sở có chức năng cai nghiện bắt buộc;

. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiều cơ sở cai nghiện, số lượng người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý trên 5.000 người, địa bàn rộng: duy trì tối đa 02 cơ sở cai nghiện có chức năng cai nghiện bắt buộc, đến hết năm 2020 giảm xuống còn 01 cơ sở cai nghiện;

. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại đang có cơ sở cai nghiện duy trì 01 cơ sở cai nghiện;

. Căn cứ tình hình thực tế, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập điểm vệ tinh thuộc cơ sở cai nghiện tại những quận, huyện có trên 250 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý để tư vấn, chăm sóc, hỗ trợ cai nghiện theo nguyên tắc không phát sinh biên chế.

+ Định hướng đến năm 2030

. Thành phố Hà Nội duy trì tối đa không quá 02 cơ sở cai nghiện và thành phố Hồ Chí Minh duy trì tối đa không quá 04 cơ sở cai nghiện;

. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không còn duy trì cơ sở cai nghiện ma túy thì chuyển người nghiện ma túy bị Tòa án quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đến cơ sở cai nghiện gần nhất để thi hành quyết định.

- Quản lý cơ sở cai nghiện bắt buộc

+ Giai đoạn đến hết năm 2020

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục quản lý trực tiếp các cơ sở cai nghiện có chức năng cai nghiện bắt buộc.

- Định hướng đến năm 2030

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục quản lý trực tiếp các cơ sở cai nghiện có chức năng cai nghiện bắt buộc được quy hoạch.

+ Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cơ sở cai nghiện được quy hoạch thành cơ sở cai nghiện vùng, khu vực thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội của địa phương tiếp tục quản lý.

b) Cơ sở cai nghiện tự nguyện

- Khả năng tiếp nhận

. Tăng số người nghiện ma túy tham gia Chương trình cai nghiện tự nguyện (bao gồm các đối tượng tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế) lên khoảng 200.000 người (tương đương 80% số người nghiện có hồ sơ quản lý);

. Mỗi cơ sở cai nghiện tự nguyện tiếp nhận số lượng người tham gia cai nghiện tối đa không quá 2.000 người, bảo đảm phù hợp với điều kiện của cơ sở.

- Cơ chế tiếp nhận

+ Không phân biệt nơi cư trú của người nghiện ma túy;

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định chế độ, chính sách cho người nghiện ma túy đăng ký cai nghiện tự nguyện theo quy định của pháp luật.

- Phân bố mạng lưới cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào quy mô người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý tại các tỉnh, thành phố, dự báo nhu cầu cai nghiện ma túy đến năm 2030, vị trí địa lý đi lại, điều kiện về cơ sở vật chất, con người sẵn có; không được phát sinh thêm biên chế để quyết định chuyển cơ sở cai nghiện ma túy hiện có thành cơ sở cai nghiện tự nguyện; thành lập Điểm tư vấn chăm sóc hỗ trợ điều trị nghiện ma túy tại cộng đồng hoặc bổ sung thêm chức năng điều trị, cai nghiện ma túy cho các cơ sở y tế (bệnh viện cấp tỉnh, bệnh viện cấp huyện, trạm y tế cấp xã) bảo đảm thuận lợi để thực hiện công tác cai nghiện tự nguyện.

c) Các tiêu chuẩn, điều kiện của cơ sở cai nghiện

Duy trì diện tích, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong cơ sở cai nghiện; bảo đảm về công tác cai nghiện, an ninh, trật tự và môi trường trong cơ sở cai nghiện theo quy định của Chính phủ.

4. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

a) Đến năm 2020

- Nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị y tế, dạy nghề, xử lý môi trường, trang thiết bị phục vụ công tác tư vấn, truyền thông cho người nghiện ma túy để nâng cao chất lượng dịch vụ theo danh mục các cơ sở cai nghiện ma túy có chức năng cai nghiện ma túy bắt buộc nằm trong quy hoạch; cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện đối với những tỉnh trọng điểm về ma túy, không cân đối được ngân sách (Danh sách kèm theo);

- Đào tạo cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng với quan điểm về nghiện và khoa học về điều trị, cai nghiện mới;

- Nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động của các cơ sở cai nghiện công lập theo quy định.

b) Định hướng đến năm 2030

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện của cơ sở cai nghiện bắt buộc và cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện theo Luật đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Các giải pháp thực hiện

a) Về cơ chế, chính sách

Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp về cai nghiện bắt buộc phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cai nghiện trong tình hình mới theo hướng:

- Khuyến khích cai nghiện ma túy tự nguyện; áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc đối với người sử dụng ma túy có hành vi nguy hiểm cho xã hội;

- Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn cán bộ làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy; về chương trình, giáo trình đào tạo chuyên môn, đào tạo liên tục đối với đội ngũ làm công tác cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy;

- Quy định về tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật tối thiểu của các cơ sở cai nghiện ma túy thống nhất trong toàn quốc;

- Quy định quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy có chức năng cai nghiện bắt buộc.

b) Về đầu tư, huy động vốn

- Đẩy mạnh xã hội hóa vào cơ sở cai nghiện ma túy, đặc biệt ưu tiên các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;

- Nhà nước ưu tiên bố trí vốn để đầu tư bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hệ thống cơ sở cai nghiện bắt buộc, những cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện được chuyển đổi từ cơ sở cai nghiện bắt buộc sang cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện ở những tỉnh trọng điểm về ma túy, chưa cân đối ngân sách để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng cai nghiện ma túy;

- Thu hút các nguồn viện trợ của các tổ chức cá nhân, Chính phủ nước ngoài thông qua hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ, kỹ thuật điều trị, cai nghiện tiên tiến trên thế giới nhằm nâng cao chất lượng cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy;

- Nhà nước bố trí quỹ đất để thực hiện quy hoạch cơ sở cai nghiện có chức năng cai nghiện bắt buộc theo các tiêu chuẩn, điều kiện đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

c) Về phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

- Xác định vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy theo hướng tăng cường người làm việc trực tiếp; giảm số lượng người lãnh đạo, quản lý, phù hợp với mặt bằng chung các nước trong khu vực;

- Đổi mới chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm công tác y tế, tư vấn, giáo dục, dạy nghề cho người nghiện ma túy; bảo đảm phù hợp với đặc điểm tâm lý, sinh lý và khả năng nhận thức của người nghiện ma túy;

- Kinh phí đào tạo cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật.

d) Về kiểm tra bảo đảm yêu cầu chất lượng cai nghiện

- Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình kiểm tra chất lượng cán bộ; hoàn thiện hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng điều trị, cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện ma túy;

- Định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện ma túy theo các tiêu chí đã ban hành.

đ) Về hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, các tổ chức thuộc chính phủ, phí chính phủ, các nước nhằm tranh thủ sự hỗ trợ về chuyên môn, kỹ thuật và tài chính cho công tác điều trị, cai nghiện ma túy.

6. Phân công thực hiện

a) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở cai nghiện trong phạm vi cả nước;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật về cai nghiện ma túy phù hợp với Hiến pháp năm 2013; xây dựng trình Chính phủ quy định điều kiện, tiêu chuẩn của cơ sở cai nghiện; nghiên cứu, đề xuất các chính sách đặc thù trong hoạt động dạy nghề, dạy văn hóa, tư vấn tâm lý, hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự án ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý công tác cai nghiện ma túy (xây dựng cơ sở dữ liệu; hệ thống thông tin quản lý; dịch vụ công trực tuyến; đào tạo về tư vấn, điều trị, cai nghiện trực tuyến...);

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chuyển đổi, thành lập cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc theo vùng, khu vực;

- Lồng ghép, đầu tư cho công tác dạy nghề, tạo việc làm, giảm nghèo bền vững đối với việc thực hiện quy hoạch mạng lưới các cơ sở cai nghiện ma túy theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Tổng hợp, đề xuất nhu cầu kinh phí bảo đảm thực hiện quy hoạch 5 năm, hàng năm gửi Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền quyết định;

- Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả của các cơ sở cai nghiện. Định kỳ đánh giá, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với bối cảnh và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, tổng hợp bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương thực hiện quy hoạch theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch trong phạm vi cả nước.

c) Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trình cấp có thẩm quyền dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện quy hoạch mạng lưới các cơ sở cai nghiện đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước.

d) Bộ Y tế

Nghiên cứu, ban hành các phương pháp điều trị bằng y học trong điều trị, cai nghiện ma túy; hướng dẫn việc tổ chức đào tạo, cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận xác định nghiện ma túy, điều trị cắt cơn nghiện ma túy cho y, bác sỹ tại các cơ sở cai nghiện; hướng dẫn việc phòng, chống dịch bệnh, khám bệnh, chữa bệnh và khám sức khỏe định kỳ cho người nghiện ma túy đang trong chương trình điều trị, cai nghiện ma túy.

đ) Bộ Nội vụ

Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xác định vị trí việc làm của cán bộ làm việc tại các cơ sở cai nghiện; phối hợp hướng dẫn tổ chức, bộ máy của cơ sở cai nghiện có chức năng cai nghiện ma túy bắt buộc theo vùng, khu vực.

e) Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn công tác giáo dục cho học viên tại cơ sở cai nghiện; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra chất lượng học tập, tổ chức thi và cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp tương ứng với chương trình học cho học viên; hỗ trợ sách giáo khoa, tập huấn giáo viên giảng dạy tại cơ sở cai nghiện; xây dựng hướng dẫn chuyển gửi người nghiện ma túy hoàn thành chương trình cai nghiện tiếp tục học tập văn hóa tại nơi cư trú.

g) Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội khảo sát, xây dựng phương án đầu tư, xử lý môi trường tại các cơ sở cai nghiện; phối hợp kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở cai nghiện.

h) Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bố trí nguồn lực của Bộ, ngành thực hiện Quy hoạch này.

i) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở cai nghiện ma túy đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Thực hiện chuyển đổi các cơ sở cai nghiện không có chức năng cai nghiện bắt buộc thành cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc cơ sở khác;

- Bố trí đất để duy trì cơ sở cai nghiện bắt buộc được quy hoạch thành cơ sở cai nghiện vùng, khu vực đặt tại địa phương, hỗ trợ về vật chất và tạo điều kiện thuận lợi cơ sở cai nghiện có chức năng cai nghiện bắt buộc đóng tại địa phương mình trong quá trình hoạt động;

- Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, quản lý cơ sở cai nghiện có chức năng cai nghiện bắt buộc theo vùng, khu vực;

- Thường xuyên hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan chức năng có liên quan của địa phương mình thực hiện nhiệm vụ cai nghiện ma túy phù hợp với quy hoạch;

- Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ cai nghiện ma túy tự nguyện; hướng dẫn tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại địa phương để thực hiện quy hoạch;

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở cai nghiện bắt buộc; cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện hoạt động và có chính sách hỗ trợ những người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, hoàn thành chương trình cai nghiện tự nguyện học nghề, tìm việc làm, ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng;

- Chỉ đạo các cơ sở bảo trợ xã hội trong việc tiếp nhận đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên hoặc người ốm yếu không còn khả năng lao động khi chấp hành xong biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: TCCV, KTTH;
- Lưu: VT, KGVX (3b). 108

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vũ Đức Đam

DANH SÁCH
CÁC TỈNH THÀNH PHỐ CÓ DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2020 ĐỂ THỰC HIỆN QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY

(Kèm theo Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An
2. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau
3. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định
4. Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
5. Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình
6. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ
7. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng
8. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang
9. Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre
10. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng
11. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình
12. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên
13. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình
14. Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La
15. Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang
16. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa
17. Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ
18. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên
19. Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái
20. Ủy ban nhân dân tỉnh Long An
21. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận
22. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai
23. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình
24. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước
25. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
26. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang
27. Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long
28. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
29. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận
30. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang
31. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam
32. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên
33. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai
34. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk
35. Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu
36. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum
37. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương
38. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang